

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 52/BM/2023**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7192355; Fax: 0243.7191466

Email: banhkeobaominh@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0101966872.

Công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh đã được cấp giấy:

1. Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018
2. Chứng nhận hệ thống Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn – HACCP

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: BÁNH CƠM NHÂN SÀU RIÊNG**

**2. Thành phần:** Cơm mộc (65 %), đường kính, đỗ xanh, nước sạch, dầu thực vật, mạch nha, sấu riêng tươi (2 %), mứt bí, dừa sợi, nước hoa bưởi tự nhiên, hương liệu tổng hợp (hương cơm, hương lá dứa, hương vani, hương sấu riêng), chất tạo màu tổng hợp (133, 160a(i), 160a(ii)), chất bảo quản (202).

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 15 ngày kể từ ngày sản xuất, bảo quản ở nhiệt độ thường.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói bằng bao bì OPP/CPP, khay nhựa PET, hộp giấy đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 30 g/gói, 35 g/gói, 40 g/gói, 45 g/gói, 48 g/gói, 50 g/gói, 55 g/gói, 60 g/gói, 65 g/gói, 70 g/gói, 75 g/gói, 80 g/gói, 85 g/gói, 90 g/gói, 95 g/gói, 100 g/gói, 105 g/gói, 110 g/gói, 115 g/gói, 120 g/gói, 125 g/gói, 130 g/gói, 135 g/gói, 140 g/gói, 150 g/gói, 160 g/gói, 170 g/gói, 175 g/gói, 180 g/gói, 190 g/gói, 192 g/gói, 200 g/gói, 210 g/gói, 220 g/gói, 230 g/gói, 240 g/gói, 250 g/gói, 260 g/gói, 270 g/gói, 280 g/gói, 290 g/gói, 300 g/gói, 325 g/gói, 330 g/gói, 350 g/gói, 390 g/gói, 400 g/gói, 450 g/gói, 500 g/gói, 540 g/gói, 550 g/gói, 560 g/gói, 600 g/gói, 630 g/gói, 640 g/gói, 650 g/gói, 680 g/gói, 700 g/gói, 720 g/gói, 750 g/gói, 780 g/gói, 800 g/gói, 850 g/gói, 900 g/gói, 950 g/gói, 1 kg/gói, 1,2 kg/gói, 1,3 kg/gói, 1,4 kg/gói, 1,5 kg/gói, 1,6 kg/gói, 1,8 kg/gói, 2 kg/gói.

Hoặc đóng gói theo nhu cầu kinh doanh của đơn vị.

### III. Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến:

Sản phẩm của: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Cửa hàng giới thiệu sản phẩm: Số 12 Hàng Than – Q. Ba Đình – TP. Hà Nội.

Hotline: 1900636443

ISO 22000 : 2018

Website: [www.banhbaominh.com](http://www.banhbaominh.com)

**Sản xuất tại:**

#### 1. CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO BẢO MINH (A)

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

#### 2. CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO BẢO MINH - CHI NHÁNH PHÍA NAM (B)

Địa chỉ: Lô số 54 Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

*Ghi chú: Ký hiệu nơi sản xuất xem cạnh ngày sản xuất.*

## BÁNH CÔM NHÂN SẦU RIÊNG

**Thành phần:** Côm mộc (65 %), đường kính, đỗ xanh, nước sạch, dầu thực vật, mạch nha, sầu riềng tươi (2 %), mút bí, dừa sợi, nước hoa bưởi tự nhiên, hương liệu tổng hợp (hương côm, hương lá dứa, hương vani, hương sầu riềng), chất tạo màu tổng hợp (133, 160a(i), 160a(ii)), chất bảo quản (202).

### THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	287.2	kcal	14 %
Chất đạm (Protein)	3.3	g	7 %
Carbohydrate	57.7	g	19 %
Đường tổng số (Total Sugars)	33.3	g	67 %
Chất béo (Fat)	4.8	g	9 %
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	0.7	g	4 %
Natri (Sodium)	36.8	mg	2 %

\* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2000kcal/người/ngày.

31966  
CÔNG  
CỔ PH  
ẢNH M  
BẢO M  
C TỬ LIỆ

**Ngày sản xuất, hạn sử dụng, khối lượng tịnh:** In trên bao bì.

**Thông tin, cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm hết hạn.

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- \* Sản phẩm chín ăn liền.
- \* Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

**Xuất xứ:** Việt Nam.

1/2/2024  
KẾ  
NH  
TP. H





Mã số/ Code: DV231016.04/1.1

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

### I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/  
Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/  
Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/  
Name of Sample : BÁNH CỐM NHÂN SẦU RIÊNG
4. Mô tả mẫu/  
Sample Description : Mẫu nguyên thành phẩm, bao gói kín, NSX: 13/10/2023, HSD: 27/10/2023
5. Ngày nhận mẫu/  
Date sample received : 16/10/2023
6. Thời gian lưu mẫu/  
Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/  
Date of test : 16/10/2023-23/10/2023
8. Ngày trả kết quả/  
Date of issue : 23/10/2023

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
1	Trạng thái cảm quan	-	Sản phẩm có hình vuông, màu xanh. Vỏ bánh mềm, dẻo; nhân bánh là nhân đậu xanh nhuyễn. Mùi, vị đặc trưng cho sản phẩm; không có mùi, vị lạ	Cảm quan	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
2	Trị số axit	mgKOH/g	1,28	Ref.TCVN 6127:2010	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
3	Chất đạm (Protein)	%	3,32	Ref. TCVN 8134:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV231016.04/1.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
4	Carbohydrate	%	57,7	VNT.H.03.Fo.187	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
5	Đường tổng số (Total Sugars)	%	33,35	TCVN 4074:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
6	Chất béo (Fat)*	%	4,8	TCVN 4072: 2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
7	Chất bảo quản: Kali sorbat (E202)*	mg/kg	426,41	TCVN 8122:2009	1000 <sup>(2)</sup>
8	Chất tạo màu (160a(i), 160a(ii))	mg/kg	28	VNT.H.03.Fo.267	150 <sup>(2)</sup>
9	Chất tạo màu: Brilliant Blue (E133)*	mg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.193 (2021)	150 <sup>(2)</sup>
10	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	4 <sup>(3)</sup>
11	Aflatoxin B1*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	2 <sup>(3)</sup>
12	Ochratoxin A*	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)	3 <sup>(3)</sup>
13	Deoxynivalenol*	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)	500 <sup>(3)</sup>
14	Zearalenone*	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181 (2021)	50 <sup>(3)</sup>
15	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009	0,1 <sup>(4)</sup>
16	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009	0,2 <sup>(4)</sup>
17	Arsen (As)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	VNT.H.03.Fo.98 (2022)	1 <sup>(5)</sup>
18	Dư lượng hóa chất BVTV: Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.151 (Ref. AOAC 2007.01)	-
19	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	1,2 x 10 <sup>2</sup>	TCVN 4884-1:2015	10 <sup>4(5)</sup>
20	Tổng số nấm men - nấm mốc*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010	10 <sup>2(5)</sup>
21	Coliforms*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007	10 <sup>(5)</sup>
22	E. coli*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008	3 <sup>(5)</sup>

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



VIETAS 1296  
 ISO/IEC 17025:2017

VIMCERTS 123

Mã số/ Code: DV231016.04/1.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
23	Staphylococci dương tính với coagulase*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4830-1:2005	10 <sup>(5)</sup>
24	Clostridium perfringens*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005	10 <sup>(5)</sup>
25	Bacillus cereus*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005	10 <sup>(5)</sup>

**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Thuốc BVTV: Thuốc bảo vệ thực vật
- (1): Tiêu chuẩn cơ sở Công ty Bánh mứt kẹo Bảo Minh
- (2): Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- (3): QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- (4): QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- (5): Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- (-): Không quy định

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR



**THS. TRỊNH CÔNG SƠN**



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV231016.04/1.2

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

### I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : BÁNH CỐM NHÂN SẦU RIÊNG
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nguyên thành phẩm, bao gói kín, NSX: 13/10/2023, HSD: 27/10/2023
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 16/10/2023
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 16/10/2023-23/10/2023
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 23/10/2023

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng	Kcal/100g	287,28	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
2	Chất đạm (Protein)	%	3,32	Ref. TCVN 8134:2009
3	Carbohydrate	%	57,7	VNT.H.03.Fo.187
4	Đường tổng số (Total Sugars)	%	33,35	TCVN 4074:2009
5	Chất béo (Fat)*	%	4,8	TCVN 4072: 2009
6	Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	%	0,73	AOAC 996.06
7	Natri (Na)	mg/100g	36,83	TCVN 10916:2015

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV231016.04/1.2

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
8	Bảng thành phần dinh dưỡng/ Nutrition facts	-	Xem bảng đính kèm	-

**Ghi chú/ Note:**

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành/ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR



**THỊ TRINH CÔNG SƠN**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



VIAS 1291  
 ISO/IEC 17025:2017

VIACERTS 1291

Mã số/ Code: DV231016.04/1.2

## BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	287.2	Kcal	14%
Chất đạm (Protein)	3.3	g	7%
<i>Carbohydrate</i>	<i>57.7</i>	<i>g</i>	<i>19%</i>
Đường tổng số (Total Sugars)	33.3	g	67%
Chất béo (Fat)	4.8	g	9%
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	0.7	g	4%
Natri (Sodium)	36.8	mg	2%

\* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000kcal/người/ngày.



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241009.09/05

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

### I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : Bánh cốm nhân sầu riêng
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng nguyên thành phẩm, đựng trong túi kín, NSX: 04/10/2024, HSD: 18/10/2024
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 09/10/2024
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 09/10/2024-16/10/2024
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 16/10/2024

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
1	Trạng thái cảm quan	-	Sản phẩm có hình vuông, màu xanh, có nhân đậu xanh nhuyễn. Mùi, vị đặc trưng cho sản phẩm; không có mùi, vị lạ	VNT.H.03.V.42	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
2	Trị số axit	mgKOH/g	0,35	Ref. TCVN 6127:2010	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
3	Đường tổng số (Total Sugars)	%	34,03	TCVN 4074: 2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
4	Chất đạm (Protein)	%	3,69	Ref. TCVN 8125:2015	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
5	Carbohydrate	%	62,33	VNT.H.03.Fo.187	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241009.09/05

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
6	Chất béo (Fat)*	%	5,75	TCVN 4072:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
7	Hàm lượng ẩm	%	27,69	TCVN 4069:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
8	Chất bảo quản: Kali Sorbat (E202)	mg/kg	281,56	TCVN 8122:2009	1000 <sup>(2)</sup>
9	Chất tạo màu: Beta Caroten (160a(i), 160a(ii))	mg/kg	46,74	VNT.H.03.Fo.267	150 <sup>(2)</sup>
10	Chất tạo màu: Brilliant Blue (E133)*	mg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.193 (2021)	50 <sup>(2)</sup>
11	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	4 <sup>(3)</sup>
12	Aflatoxin B1*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	2 <sup>(3)</sup>
13	Ochratoxin A (OTA)*	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)	3 <sup>(3)</sup>
14	Deoxynivalenol (DON)*	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)	500 <sup>(3)</sup>
15	Zearalenone (ZEN)*	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181 (2021)	50 <sup>(3)</sup>
16	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009	0,4 <sup>(4)</sup>
17	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009	0,2 <sup>(4)</sup>
18	Arsen (As)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	VNT.H.03.Fo.98 (2022)	1 <sup>(5)</sup>
19	Dư lượng hóa chất BVTV: Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.151 (Ref. AOAC 2007.01)	-
20	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	2,7 x 10 <sup>2</sup>	TCVN 4884-1:2015	10 <sup>4(5)</sup>
21	Tổng số nấm men - nấm mốc*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-1:2010	10 <sup>2(5)</sup>
22	Coliforms*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007	10 <sup>(5)</sup>
23	<i>E. coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008	3 <sup>(5)</sup>
24	<i>Staphylococci</i> dương tính với coagulase*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4830-1:2005	10 <sup>(5)</sup>

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241009.09/05

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
25	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005	10 <sup>(5)</sup>
26	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005	10 <sup>(5)</sup>

**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Thuốc BVTV: Thuốc bảo vệ thực vật
- (1): Tiêu chuẩn cơ sở công ty Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Bảo Minh
- (2): Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- (3): QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- (4): QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- (5): Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- (-): Không quy định

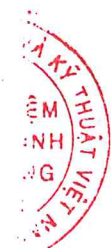
**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR



**THỊ TRINH CÔNG SƠN**



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241009.09/06

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

## I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : Bánh cốm nhân sầu riêng
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng nguyên thành phẩm, đựng trong túi kín, NSX: 04/10/2024, HSD: 18/10/2024
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 09/10/2024
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 09/10/2024-16/10/2024
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 16/10/2024

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng (Energy)	Kcal/100g	315,83	VNT.H.03.Fo.277
2	Chất đạm (Protein)	%	3,69	Ref. TCVN 8125:2015
3	Carbohydrate	%	62,33	VNT.H.03.Fo.187
4	Đường tổng số (Total Sugars)	%	34,03	TCVN 4074: 2009
5	Chất béo (Fat)*	%	5,75	TCVN 4072:2009
6	Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	%	1,33	AOAC 996.06

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241009.09/06

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
7	Natri (Sodium)	mg/100g	11,87	TCVN 10916:2015
8	Bảng thành phần dinh dưỡng/ Nutrition facts	-	Xem bảng đính kèm	-

**Ghi chú/ Note:**

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành/ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**

QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**

DIRECTOR



**TRẦN CÔNG SƠN**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



## BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	315.8	Kcal	16%
Chất đạm (Protein)	3.6	g	7%
<i>Carbohydrate</i>	62.3	g	19%
Đường tổng số (Total Sugars)	34.0	g	-
Chất béo (Fat)	5.7	g	10%
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	1.3	g	7%
Natri (Sodium)	11.8	mg	1%

\* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000kcal/người/ngày.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.